

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-PT
Ngày: 26-3-2021
“V/v tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Lê Minh T1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 và ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 617/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 156/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐ-PT ngày 11/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Trần Thị B, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

2/ Bà Trần Thị Kim Nh, sinh năm 1954;

3/ Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1967;

4/ Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1973;

5/ Bà Trần Thị Kim B1, sinh năm 1974;

6/ Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1978;

7/ Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Ô4, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

8/ Ông Trần Quốc H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ô3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

9/ Ông Trần Quốc T3, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Cây Siêng, xã Đồng Khởi, huyện Châu TH2nh, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn:

1/ Ông Trần Ái Th, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 6/5A Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956;

3/ Ông Trần Thế C, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ô3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

4/ Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1969;

5/ Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1967;

6/ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1965;

7/ Bà Nguyễn Thị Túy H1, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Vũ Ngọc Tuyết Th1, sinh năm 1975;

2/ Bà Lê Thị Th1 H2, sinh năm 1973;

3/ Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA

4/ Bà Mai Thị B1 Y, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 116/4K, ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện HM, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Lê Ái D, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 71, đường Hồ Văn Huê, Phường 9, quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Trần Thị A, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T4 Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

7/ Ông Trần Duy H3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

8/ Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

9/ Bà Bùi Thị Hồng H4, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

10/ Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA;

Địa chỉ: Ô7, Khu B, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim Nh, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Kim B1, bà Trần Thị B, ông Trần Quốc T1, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc T3.

(Bà T, bà Nh, bà L, bà B, bà B1, ông T2, ông H, ông B1, bà H2, bà Ph, bà B1 Y, bà H4 có mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018, đơn ngày 05/02/2018, đơn bổ sung ngày 16/4/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bà Trần Thị Bích T có mặt tại phiên tòa trình bày: Cụ bà Phan Thị Tề (chết năm 1990) có sinh được 06 người con gồm:

1/ Trần Văn Nhưỡng (chết 1990) có 09 người con: Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1;

2/ Trần Quốc Ái chết năm 2014, ông Ái có 12 người con: Trần Duy C chết có con là Trần Thế C và vợ là Nguyễn Thị L1 ở tại Ô 3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA; Lê Ái D (Địa chỉ: 71 Hồ Văn Huê, phường 9, Quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh); Trần Duy H3 ở tại Ô 3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA; Trần Ái L (không rõ địa chỉ), Trần Ái Hòa (không rõ địa chỉ), Trần Ái Th địa chỉ: 6/5A Quang Trung, phường 10, Quận Gò Vấp, TH2nh phố Hồ Chí Minh; Trần Ái Th1 (không rõ địa chỉ); Trần Ái Nguyệt (không rõ địa chỉ), Trần Ái Phương, Trần Ái Minh, Trần Thị Cúc (không rõ địa chỉ) và Trần Quốc Lực (chết không vợ con).

3/ Bà Nguyễn Thị Tiểu (chết) có các con là Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Túy H1 cùng ngụ tại Ô 3, Khu A, thị trấn HN, ĐH, LA

4/ Trần Văn Lô (Liệt sĩ không vợ con)

5/ Trần Thị A, sinh năm 1947. Trú tại Ấp 2, xã T4 Phước, Gò Công Đông, Tiền Giang

6/ Mai Thị B1 Y sinh năm 1947. Trú tại Ấp Tam Đông, Thới Tam Thôn, HM, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Cụ Phan Thị Tề lúc còn sống được cha mẹ cho quyền sử dụng đất các thửa: 829, 831, 832, 390, 391, 392, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 468, 469, 470, 471, 839, 840, 841, 842 tờ bản đồ 13, Ô3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA diện tích khoảng 1,5ha. Khoảng năm 1980, 1981, cụ Phan Thị Tề đã cho bà Trần Thị B (con của ông Nhưỡng) một phần đất cát nH2 thuộc thửa 470 với diện tích 615,8m². Số còn lại bà Phan Thị Tề tiếp tục quản lý sử dụng đến năm 1990 bà Tề chết.

Ngày 29/3/2002, các anh chị em của cha bà là con cháu bà Phan Thị Tề tự đứng ra chia đất của bà Phan Thị Tề không có ý kiến của các nguyên đơn. Cụ thể bà Trần Thị B được hưởng thửa 470 với diện tích 615,8m², thửa 391 giao cho bà Trần Thị Tiểu với diện tích 685,5m² (đã bán hết); thửa 392 và 394 có diện tích 3.294,2m² thống nhất tạm thời giao cho ông Trần Duy C đứng chủ quyền có trách nhiệm cúng giỗ H2ng năm, không được cầm cố sang nhượng với bất cứ hình thức nào; các thửa còn lại 400, 399, 397, 396, 395 và 398 có tổng diện tích là 4.675,2m² giao chủ quyền cho bà Trần Thị Tiểu và ông Trần Quốc Ái, phần của bà Tiểu có phần của bà Trần Thị A và bà Mai Thị B1 Y, phần ông Ái lo cho các

con của ông. Về phần kê khai đăng ký đất ông Ái được đăng ký các thửa 400, 396 và 395 còn bà Tiểu được đăng ký các thửa 399, 397, 398 và 399. Nay các ông bà khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc Ái và các con bà Tiểu phải chia thừa kế 3.816,4m² trong số đất của bà nội các ông bà để lại có khấu trừ phần của bà Trần Thị B đã nhận là 615,8m² và phần ông Trần Quốc H đang quản lý phần thửa 391 tờ bản đồ 13 thị trấn HN với diện tích 206m². Các ông bà yêu cầu ông Trần Ái Th phải giao thửa 396 diện tích 900m²; các con bà Trần Thị Tiểu (ông T4, ông Tr, ông B1 và bà H1) phải giao thửa 397 diện tích 1.201m² cùng tờ bản đồ số 13 thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA với tổng diện tích là 2.101m². Các ông bà xin ưu tiên nhận thửa 396, 397 vì đây là nh2 bà nội của các ông bà do cha các ông bà xây dựng để lưu lại dấu tích của ông bà. Phần thửa 392, 394 ông C đứng tên không tranh chấp. Đối với số đất thuộc các thửa đất còn lại của bà nội bà do bà Tiểu, ông Trần Quốc Ái (là cô và bác) các ông bà đã bán cho người khác, các ông bà không tranh chấp và không có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng tại các thửa 829, 831, 832, 390, 391, 392, 395, 398, 399, 400, 468, 469, 470, 471, 839, 840, 841, 842 tờ bản đồ 13, Ô3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA, không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người đã mua lại phần các thửa đất nêu trên.

Bị đơn ông Trần Ái Th trình bày: Ông thống nhất về mối quan hệ huyết thống gia tộc như các nguyên đơn trình bày. Ông có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 395, 396, 400, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA với tổng diện tích 2.072m². Nguồn gốc đất ông được cha ông là Trần Ái Th tặng cho ông bằng Hợp đồng tặng cho đề ngày 26/11/2007. Đối với yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn là ông không đồng ý. Bởi vì đất của bà nội ông (Phan Thị Tề) để lại đã được họ tộc phân chia xong có biên bản này 29/3/2002. Căn cứ vào biên bản này thì ai được phân chia phần nào thì kê khai đăng ký phần đó. Cha ông là Trần Quốc Ái đã kê khai đăng ký các thửa đất được phân chia xong. Đến năm 2007, cha ông lập hợp đồng tặng cho ông các thửa đất 395, 395 và 400 và ông đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp ngày 31/12/2007.

Bị đơn các ông bà Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị Túy H1 trình bày: Các ông bà thống nhất về mối quan hệ họ H2ng huyết thống giữa các ông bà với các nguyên đơn theo các nguyên đơn nêu là đúng. Đối với yêu cầu các nguyên đơn đề nghị các ông bà chia thừa đất 397, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA cho các nguyên đơn (Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1) là các ông bà không đồng ý. Bởi vì các nguyên đơn đã được hưởng phần đất của ông ngoại Trần Văn Bực 02ha, tại Ô4, Khu A, thị trấn HN, ĐH, LA xong. Ngày 29/3/2002, khi phân chia 90 cao đất của bà ngoại Phan Thị Tề cũng đã chia cho chi các nguyên đơn do bà Trần Thị B nhận 615,8m² thuộc thửa 470, tờ bản đồ 13, thị trấn HN. Trước đó năm 2000, ông Trần Quốc H cũng xin bà Trần Thị Tiểu (mẹ các ông bà) ngang 5m x dài hết đất khoảng 40m thuộc phần thửa 391, tờ bản đồ 13, thị trấn HN cất nhà ở. Căn cứ vào biên bản phân chia đất ngày 29/3/2002 có đại diện chi các

nguyên đơn là bà Trần Thị B tham dự và cũng đã nhận đất sử dụng từ đó đến nay và ai hưởng phần đất nào kê khai đăng ký phần đất đó xong. Nay các nguyên đơn cho rằng chưa chia đất cụ Phan Thị Tề chết để lại là không đúng. Các ông bà tự nguyện chuyển nhượng tách giấy chứng nhận quyền sử dụng phần thửa 391, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA với diện tích 206m² cho ông Trần Quốc H. Ngoài ra không đồng ý với tất cả các yêu cầu của các nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Thế C và bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ngày 29/02/2002, ông Trần Duy C (chồng, cha của ông bà) có được thân tộc giao cho đứng tên phần đất hương hỏa thuộc thửa 392 và 394 có diện tích 3.294,2m² có trách nhiệm cúng giỗ hàng năm, không được cầm cố sang nhượng với bất cứ hình thức nào. Hiện nay số đất này ông C lúc còn sống có cho ông Trần Duy H3 và Lê Ái D (em ruột ông C) mỗi người một phần. Cụ thể ông H3 860m², ông D 709m². Phần của ông C còn lại là 1.700m² thuộc phần thửa 392 và 394 hiện nay các ông bà đang quản lý và sử dụng. Các nguyên đơn yêu cầu ông bà chia phần đất hương hỏa các ông bà không đồng ý. Ngoài ra các ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy H3 và bà Nguyễn Thị L3 trình bày: Ông Trần Duy H3 là con ông Trần Quốc Ái từ nhỏ chung sống với bà Tề được bà Tề cho một phần thửa 390, tờ bản đồ 13, thị trấn HN cất nh2 ở có diện tích 147m². Ông bà đã cất nhà ở từ năm 1998 đến nay. Trong năm 2016, ông bà được ông Trần Duy C cho thêm 860m² đất thuộc phần thửa 392 và 394, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Ông bà xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ái D trình bày: Ông xác định ông là con của ông Trần Quốc Ái có họ H2ng chú bác ruột với các nguyên đơn. Lúc bà nội ông còn sống có cho ông một nền đất diện tích 240m² thuộc phần thửa 390 ông đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/01/2005 thửa mới là thửa 829, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Năm 2003, ông được anh ông là Trần Duy C có cho ông phần thửa 392, 394, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA diện tích 709m² và ông cũng đã được NH2 nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các nguyên đơn có yêu cầu chia lại phần đất của bà nội ông là cụ Phan Thị Tề chết để lại là ông không đồng ý. Bởi vì đất này đã được thân tộc phân chia xong ngày 29/3/2002. Ông không có tranh chấp gì và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị A và Mai Thị B1 Y trình bày: Các bà là con của bà Phan Thị Tề, số đất bà Tề chết để lại đã được anh em chia xong ngày 29/3/2002. Các bà được chị Trần Thị Tiểu đứng tên đất và chia lại các bà xong và các bà không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Ph (con bà Trần Thị A) trình bày: Bà xác nhận phần đất của bà ngoại Phan Thị Tề chết để lại đã được họ tộc phân chia cho mẹ bà là Trần Thị A xong, bà Anh đã cho bà hưởng phần đất này tại Ô3 Khu A, thị trấn HN thuộc phần thửa 391, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, ĐH, LA diện tích khoảng 148m² bà đã nhận đất và không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị Hồng H4 (vợ ông Trần Quốc H) có ý kiến thống nhất lời trình bày của ông H không có tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Vũ Ngọc Tuyết Th1 (vợ ông Nguyễn Văn T4) và bà Lê Thị Th1 H2 (vợ ông Nguyễn Văn B1) có ý kiến thống nhất lời trình bày của ông T4, ông B1 không có tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Ủy ban nhân dân huyện ĐH trình bày: Năm 2002 bà Trần Thị Tiểu được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 391, 397, 398 và 399, tờ bản đồ 13, thị trấn HN có nguồn gốc do ông bà để lại với diện tích 3.188,2m². Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị Tiểu là đúng quy định.

Năm 2013, bà Phạm Thị Ph được cấp giấy thửa 1360, tờ bản đồ 13, thị trấn HN có diện tích 154m² do nhận từ bà Trần Thị Tiểu.

Năm 2007, ông Trần Quốc Ái chuyển nhượng cho ông Trần Ái Th các thửa đất 395, 396, 400, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA với diện tích 2.400m². Hợp đồng được UBND thị trấn HN chứng thực.

Năm 2002 và 2003 ông Trần Duy C được UBND huyện ĐH cấp giấy thửa đất 390, tờ bản đồ 13, thị trấn HN diện tích 997m², thửa 393 diện tích 754,2m². Ngoài ra ông C còn được cấp giấy thửa 392 và 394 với diện tích 3294,2m² thuộc tờ bản đồ 13, thị trấn HN.

Năm 2003, bà Trần Thị B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 470, tờ bản đồ 13, thị trấn HN diện tích 615m².

Năm 2003, ông Trần Duy H3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 468, tờ bản đồ 13, thị trấn HN diện tích 479m². Năm 2005, ông Trần Duy H3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 764 diện tích 147m².

Năm 2005 ông Lê Ái D được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 829 (cũ là 390), tờ bản đồ 13, thị trấn HN diện tích 240m².

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Duy C thửa 392, 394, tờ bản đồ 13, thị trấn HN diện tích 3.294,2m² là đúng theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 156/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện ĐH đã căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483; Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 235, Điều 357, Điều 468, Điều 623, Điều 612, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 về việc tranh chấp “*Thừa kế quyền sử dụng đất*” với Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thị Thị Túy

H1, Nguyễn Thị Th2, Trần Thế C và Trần Ái Th đổi với các thửa 396, 397, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA diện tích 2.101m^2 loại đất LUC và phần thửa 392, 394 diện tích 500m^2 , tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Loại đất LUC.

2. Ghi nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Thị Túy H1 chuyển nhượng cho Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 diện tích 206m^2 phần thửa 391, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH loại đất LUC trên đất có công trình xây dựng Trần Quốc H là $175,8\text{m}^2$. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 11/8/2019.

Các ông, bà Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Thị Túy H1 chuyển nhượng cho Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký diện tích 206m^2 phần thửa 391, tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Loại đất LUC trên đất có công trình xây dựng Trần Quốc H là $175,8\text{m}^2$. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 11/8/2019 theo quy định.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Các ông bà Trần Thị B, Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 phải nộp 38.223.200 đồng (đã nộp xong và chi phí hết).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B được miễn án phí. Các ông bà Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 liên đới nộp 30.216.533 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách NH2 nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 18.666.667 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai số 2106 ngày 20/3/2018 và 2682 ngày 19/4/2018 tại Chi cục thi H2nh án án huyện ĐH. Như vậy các ông bà Trần Thị Kim Nh, Trần Quốc T2, Trần Quốc T3, Trần Thị Bích L, Trần Quốc H, Trần Thị Bích T, Trần Thị Kim B1 và Trần Quốc T1 phải nộp tiếp 11.549.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/10/2020, bà Trần Thị Kim Nh, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Kim B1, bà Trần Thị B, ông Trần Quốc T1, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc T3 kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của các ông, bà là chưa khách quan, không đúng thực tế với tình tiết sự thật của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cải sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà.

Tại phiên tòa, bà T còn trình bày thêm là Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chỉ thừa

đất số 396, 397, diện tích 2.101m² loại đất LUC và phần thửa 392, 394 diện tích 500m² cùng tờ bản đồ 13, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA là chưa đầy đủ theo đơn khởi kiện của ông, bà. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm phát hành 02 bản án khác nhau (một bản án dài và một bản án ngắn).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa Th được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Trần Thị Bích T tranh luận: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế T3 bộ các thửa đất mà bà nội bà - bà Phan Thị Tề để lại, nhưng xin nhận đất là hai thửa 396, 397 vì trên hai thửa đất này có nH2 do cha của bà là ông Trần Văn Nhưỡng xây cất. Đối với các thửa đất khác, các chi của bác hai (Trần Quốc Ái) và cô tư (Trần Thị Tiểu) và các chi khác đã được chia đất và có chuyển nhượng cho người khác thì bà không yêu cầu hủy các giao dịch này mà giữ nguyên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của các anh em bà chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa 396, 397 là không đúng. Các anh em của bà yêu cầu chia hết nhưng các giao dịch đã thực hiện thì xem như kỷ phần được hưởng của những người thừa kế của bà Tề. Riêng đối với thửa 396, 397 vẫn chưa chuyển nhượng cho ai nên các anh em của bà yêu cầu nhận hai thửa đất này.

Về lý do khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản ngày 29/3/2002 để bác yêu cầu khởi kiện của các anh em bà là không đúng pháp luật. Vì biên bản ngày 29/3/2002 chỉ có bà Trần Thị B ký tên, các anh chị em khác không biết về biên bản thỏa Th chia thừa kế này, trong khi các anh chị em của bà là đồng thừa kế của ông Trần Văn Nhưỡng. Biên bản ngày 29/3/2002 không có chia phần thừa kế cho cha của bà là thiếu phần người thừa kế. Bà Trần Thị B chỉ ký tên vào biên bản này để đứng tên phần đất bà nội cho riêng bà B mà bà B đã cất nH2 sinh sống trên phần đất này, còn cha của bà vẫn chưa được hưởng phần thừa kế nào. Mặt khác, biên bản ngày 29/3/2002 thể hiện nội dung phần đất giao cho ông Trần Duy C có diện tích 3.294m² để ông C thờ cúng, chăm nom mồ mả ông bà, không được tặng cho, chuyển nhượng cho người khác. Tuy nhiên, ông Trần Duy C đã không thực hiện đúng theo thỏa Th trong biên bản ngày 29/3/2002 mà đã chuyển nhượng cho ông Lê Ái D một phần, chuyển nhượng cho ông Trần Duy H3 một phần. Đó là những căn cứ các nguyên đơn nêu ra để chứng minh biên bản ngày 29/3/2002 không có giá trị pháp lý nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản ngày 29/3/2002 để bác T3 bộ yêu cầu của các anh chị em của bà là không đúng pháp luật.

- Các đương sự khác không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn, thông báo thụ lý của Tòa án cấp sơ thẩm thì các nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là xác định di sản thừa kế của cụ Phan Thị Tề chết để lại. Chia kỷ phần thừa kế của ông Trần Văn Nhưỡng là cha của các nguyên đơn nhưng ông Nhưỡng đã chết nên các nguyên đơn yêu cầu chia kỷ phần thừa kế thế vị cho các nguyên đơn là các thửa đất số 395, 396, 397, 398 và một phần thửa 391 và 500m² đất thuộc thửa 392, 394, tờ bản đồ số 13, thị trấn HN, huyện DH, xin ưu tiên nhận thửa đất 397 vì trên đất có căn nh2 thờ của cụ Tề để lại, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết đối với thửa 396, 397 và cho rằng các thửa đất còn lại là không tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn xác định yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tề để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật trong đó phần đất nào đã chuyển nhượng cho người khác thì không tranh chấp nhưng phải tính giá trị phần đất đã chuyển nhượng để chia theo kỷ phần thừa kế, do cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên giải quyết chưa T3 diện yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

+ Theo lời trình bày của nguyên đơn thì xác định ông Trần Quốc Ái có 12 người con, do ông Ái chết nên phải đưa tất cả những người con của ông Ái tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người con của ông Ái tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

+ Tòa án cấp sơ thẩm phát hành tổng đạt cho các nguyên đơn 02 bản án trong đó 01 bản án có thể hiện phát biểu của Kiểm sát viên, 01 bản án không có phát biểu của kiểm sát viên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, để giải quyết T3 diện vụ án đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự cần phải hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Kim Nh, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Kim B1, bà Trần Thị B, ông Trần Quốc T1, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc T3 kháng cáo hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều đã có đơn yêu cầu xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các nguyên đơn có các đơn khởi kiện thể hiện như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 thể hiện "...Vì vậy, nay chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu: Do các chi khác đã được chia hết, di sản của cụ Phan Thị Tế chỉ còn lại diện tích 3.816,4m² đất thuộc các thửa 391, 395, 396, 397, 398, 399, 400 tờ bản đồ số 13, tại Ô3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA. Nên chúng tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế thế vị của ông Trần Văn Nhưỡng cho chúng tôi nhận là 2.400m² đất thuộc các thửa 395, 396, 397, 398 và một phần thửa 391 tờ bản đồ số 13 (tọa lạc tại Ô 3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA)...."

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2018 thể hiện "... Vì vậy, nay chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu: Xác định di sản thừa kế của cụ Phan Thị Tế chết để lại; Chia kỹ phần thừa kế thế vị cho chúng tôi là 2.400m² đất thuộc các thửa 395, 396, 397, 398 và một phần thửa 391 tờ bản đồ số 13 (tọa lạc tại Ô 3, Khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh LA) hiện do ông Th và ông T4 đang quản lý sử dụng...."

- Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/4/2018 thể hiện "...Ngoài các yêu cầu khởi kiện theo các đơn khởi kiện trước đây, nay chúng tôi xin bổ sung các yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Trên thửa đất số 397 vẫn còn căn nH2 thờ do cha chúng tôi xây dựng trước năm 1990 để cho bà nội ở....nhằm lưu giữ lại những di tích của cha, chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế cho chúng tôi ưu tiên nhận đất tại phần đất có căn nhà trên thửa 397.....

Ngoài ra, hiện nay ông Trần Duy C đang quản lý sử dụng phần đất hương quả hơn 3.000m² thuộc thửa 392, 394.....buộc ông C phải chia cho chúng tôi 500m²....".

Tuy nhiên, tại nội dung giải quyết của án sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết đầy đủ các yêu cầu khởi kiện nêu trên của đương sự là do các đương sự có sự thay đổi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Nay trước phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn trình bày yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết T3 bộ các thửa đất nêu trên là không phù hợp thẩm quyền xét xử hai cấp.

[2.2] Tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày là ông Trần Quốc Ái có 12 người con và ông Ái đã chết nên phải đưa tất cả những người con của ông Ái tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người con của ông Ái tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các nguyên đơn cung cấp được họ, tên, năm sinh, địa chỉ của các con ông Ái nhưng nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn và bị đơn thừa nhận rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, có phát biểu quan điểm đối với vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành và tổng đạt bản án cho đương sự hai lần có khác nhau do thiếu sót trong việc đánh máy thể hiện nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm. Việc thiếu sót này Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu hồi ngay sau khi phát hiện và bản án

chưa có hiệu lực pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự nhưng sẽ gây khó khăn cho việc đối chiếu, lưu hành trong thực tiễn.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của bên nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần; lời đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là hoàn T3 đúng với quy định của pháp luật tố tụng hiện hành nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo trình tự thủ tục chung.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim Nh, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Kim B1, bà Trần Thị B, ông Trần Quốc T1, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc T3.

[1] Hủy T3 bộ bản án dân sự sơ thẩm số 156/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

[2] Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Tòa án quyết định sau khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Bích L, Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Kim B1, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc T3 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006503, số 0006504, số 0006505, số 0006507, số 0006506, số 0006508 cùng ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh